



Liên hệ:

Văn Phòng Luật Sư Tô Đình Huy

Địa chỉ: 441/15B Điện Biên Phủ, Phường
25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838991104 - 0978845617

Tổng đài tư vấn: **1900 6279**

Email: info@luatsuhcm.com

Website: www.luatsuhcm.com

NỘI DUNG

Phần 1: Hệ lụy về quản lý và sử dụng con dấu doanh nghiệp

Phần 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng

1. Hướng dẫn phân phối lợi nhuận đối với các tổ chức tín dụng theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP
2. Chính phủ ban hành Nghị định 82/2017/NĐ-CP hướng dẫn tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
3. Điều kiện tại nơi làm việc của cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa và kho chứa tang vật vi phạm theo Thông tư 84/2017/TT-BTC
4. Từ ngày 01-07-2017, tăng mức trợ cấp hàng tháng của cán bộ cấp xã già yếu đã nghỉ việc theo Thông tư 04/2017/TT-BNV
5. Mở rộng các hình thức công khai thủ tục hành chính theo Nghị định 92/2017/NĐ-CP

Phần 3: Danh mục các văn bản có hiệu lực trong tháng

*Ấn phẩm được đăng tại:
Website: www.luatsuhcm.com*

PHẦN 1: HỆ LỤY VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU DOANH NGHIỆP



THs/Luật sư Tô Đình Huy

M: (+84) 978845617

E: info@luatsuhcm.com



Luật sư Nguyễn Thị Ngọc Dung

M: (+84-8)1688469097

E: dungnguyen@luatsuhcm.com

Quản lý và sử dụng con dấu vẫn là vấn đề “nhức nhối” đối với nhiều doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp. Sự lỏng lẻo trong công tác quản lý, chưa có cơ chế kiểm soát những rủi ro trong việc quản lý và sử dụng con dấu là nguyên nhân dẫn đến tranh chấp và kéo theo nhiều hệ lụy. Không dừng lại ở việc cản trở hoạt động doanh nghiệp, những vi phạm liên quan còn có thể bị xem xét trách nhiệm pháp lý, thậm chí là trách nhiệm hình sự. Chế định về con dấu theo Luật Doanh nghiệp 2014 cho thấy sự thay đổi trong tư duy về giá trị pháp lý của con dấu, sự thông thoáng trong cơ chế quản lý và sử dụng con dấu. Tuy nhiên, cùng với mặt tích cực, những bất cập mới cũng phát sinh kéo theo từ chế định này. Những doanh nghiệp không chủ động thích ứng, vận dụng hiệu quả các quy định về quản lý và sử dụng con dấu doanh nghiệp dễ dẫn đến những hệ lụy phát sinh:

1. Con dấu và tính chính danh của văn bản do doanh nghiệp ban hành

Vì sao con dấu lại gắn liền với tính chính danh của văn bản? Có hai lý do lý giải cho vấn đề này như sau:

Thứ nhất, pháp luật yêu cầu văn bản của doanh nghiệp phải đóng dấu mới có giá trị pháp lý, chẳng hạn: Luật Kế toán, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Quảng cáo, Luật các công cụ chuyển nhượng, Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính và nhiều Luật khác. Theo đó, văn bản không

có dấu sẽ không đủ cơ sở xác định chủ thể phát hành và do đó, nội dung văn bản không có căn cứ xác thực.

Thứ hai, chúng tôi cho rằng là do tư duy của cá nhân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan đến doanh nghiệp về giá trị niềm tin của con dấu. Giá trị niềm tin này xuất phát từ việc: trước ngày 01/7/2015, con dấu doanh nghiệp do cơ quan nhà nước – công an cấp và duy nhất một con dấu cho mỗi doanh nghiệp; hơn nữa, xuyên suốt từ Bộ Luật hình sự 1985 đến Bộ Luật hình sự 2015, làm giả con dấu được xem là một loại tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự - đây được xem là chế tài nghiêm khắc nhất. Do đó, việc đóng dấu tạo cho người tiếp nhận niềm tin rằng văn bản do doanh nghiệp có tên trên con dấu phát hành.

Bên cạnh mặt tích cực giúp xác định tính chính danh, mặt ngược lại, yêu cầu tính chính danh này đã cản trở chính hoạt động của doanh nghiệp trong nhiều trường hợp, như:

Về hoạt động quản lý: doanh nghiệp không thể thực hiện các thủ tục hành chính, tổ tụng khi người quản lý đã bị bãi nhiệm/cách chức nhưng vẫn giữ con dấu;

Về hoạt động kinh doanh: yêu cầu phải có con dấu trong hợp đồng ngoại thương nhiều trường hợp là “dấu chấm hết” của giao dịch. Kể cả giao dịch nội địa, đợi đóng dấu hợp đồng mới có hiệu lực nhiều khi làm cản trở, trì trệ hoạt động.

Hoặc, doanh nghiệp/người quản lý doanh nghiệp phải chịu thiệt hại do bị lợi dụng tính chính danh và sự quản lý lỏng lẻo con dấu trong việc đóng dấu không...

2. Con dấu doanh nghiệp và tranh chấp nội bộ có thể phát sinh

Các trường hợp tranh chấp liên quan con dấu thường xoay quanh vấn đề chiếm giữ, bàn giao con dấu khi có sự chuyển giao quyền, thay đổi nhân sự quản lý. Song song đó, vấn đề số lượng con dấu được sử dụng, hoạt động lưu giữ con dấu và sử dụng con dấu doanh nghiệp ngoài trụ sở cũng là nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

Liên quan đến tranh chấp con dấu doanh nghiệp, có thể nhìn nhận một số vụ việc điển hình:

- i. Tranh chấp nội bộ việc không thống nhất được người đại diện theo pháp luật và thẩm quyền sử dụng con dấu liên quan đến đại án Housing Group;
- ii. Tranh chấp nội bộ nhiều năm tại CTCP Đầu tư và Phát triển Kim khí Hải Phòng dẫn đến thành viên HĐQT tự quyết giữ con dấu, không cho phép người đại diện của công ty sử dụng;

- iii. Tranh chấp giữa CTCP Đê kè Thủy lợi Hưng Yên và ông Lê Văn Duy về việc bàn giao con dấu sau khi bãi nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Thậm chí, thực tế có trường hợp HĐQT cũ và HĐQT mới tranh chấp, con dấu phải giao cho thi hành án, doanh nghiệp muốn thực hiện hoạt động liên quan phải thỏa thuận đến thi hành án mượn con dấu đóng và giao lại. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp không được tự quyết quyền sử dụng. Chính những người quản lý doanh nghiệp làm khó nhau và gây cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp.

3. Con dấu và trách nhiệm hành chính của doanh nghiệp

Doanh nghiệp được trao quyền tự quyết vấn đề quản lý, sử dụng con dấu. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể bị xử phạt hành chính nếu sử dụng con dấu không đúng quy định. Mức phạt tiền đến 10.000.000 đồng, có thể áp dụng đồng thời biện pháp xử phạt bổ sung như tịch thu tang vật, tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn 03 – 06 tháng và buộc khắc phục hậu quả như thu hồi con dấu, hủy bỏ các văn bản, giấy tờ đóng dấu sai quy định. Một số hành vi vi phạm mà doanh nghiệp cần lưu ý như sau:

- i. Đóng dấu vào văn bản, giấy tờ chưa có chữ ký của người có thẩm quyền hoặc chữ ký của người không có thẩm quyền;
- ii. Mượn, cho mượn con dấu, sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức khác để hoạt động;
- iii. Không thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về việc mất con dấu đang sử dụng;
- iv. Sử dụng trái phép con dấu mang từ nước ngoài vào Việt Nam.

Rõ ràng, việc vi phạm các quy định quản lý và sử dụng con dấu gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và phát sinh những thiệt hại không đáng có trong doanh nghiệp.

4. Quản lý, sử dụng con dấu và trách nhiệm hình sự của cá nhân liên quan

Từ Bộ luật Hình sự năm 1985 đến Bộ luật Hình sự năm 2015 đều có quy định các tội danh liên quan đến việc quản lý và sử dụng con dấu. Theo đó, các cá nhân của doanh nghiệp làm giả, sử dụng con dấu giả, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi liên quan đến việc quản lý, sử dụng con dấu doanh nghiệp.

Trên thực tế, người thực hiện chiếm đoạt con dấu thường không nhận biết được mức độ nghiêm trọng của hành vi. Tội phạm này thường xuất phát từ những mâu thuẫn, tranh chấp giữa những người, nhóm người có quyền quản lý, sử dụng con dấu. Cùng với trách nhiệm cá nhân thì doanh nghiệp cũng phải chịu thiệt hại do hành vi chiếm giữ con dấu gây ra.

Ngoài ra, vấn đề tiêu hủy con dấu là vấn đề doanh nghiệp cần quan tâm khi thay đổi mẫu dấu. Người quản lý của doanh nghiệp cần cẩn trọng trong việc quản lý và hủy con dấu cũ để tránh trách nhiệm hình sự khi có tranh chấp với doanh nghiệp.

Với những hệ lụy trên, doanh nghiệp cần làm gì nhằm quản lý và sử dụng con dấu hiệu quả, phòng tránh các rủi ro pháp lý?

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp cần chú trọng:

- i. Thay đổi tư duy quản lý con dấu: cơ chế pháp luật càng thông thoáng, doanh nghiệp càng phải chủ động xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng con dấu.
- ii. Xây dựng khung quản lý dấu hiệu quả tại Điều lệ của doanh nghiệp, đồng thời cần thiết xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng con dấu.
- iii. Các nội dung chủ đạo của quy chế Quản lý và sử dụng con dấu: xây dựng chi tiết nội dung quản lý con dấu, nội dung sử dụng con dấu, phân cấp quyền ký – đóng dấu.

Bên cạnh việc tránh được các hệ lụy phát sinh, thiết lập quy chế quản lý và sử dụng con dấu chi tiết, hiệu quả còn giúp doanh nghiệp ổn định trong tổ chức, hoạt động. Bên cạnh đó, quy chế sẽ giúp tổng hợp các quy định pháp luật về yêu cầu đóng dấu văn bản, giúp doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, cập nhật. Với những lợi ích đạt được, doanh nghiệp cần thiết thiết lập hệ thống các văn bản quản lý phù hợp với cơ chế pháp lý hiện hành về quản lý và sử dụng con dấu. /.

PHẦN 2: ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Hướng dẫn phân phối lợi nhuận đối với các tổ chức tín dụng

Nghị định 93/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/09/2017 đã có những quy định cụ thể về cách phân phối lợi nhuận đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổ chức tín dụng là hợp tác xã và đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Cụ thể:

Đối với tổ chức tín dụng đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi bù đắp lỗ năm trước, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- i. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
- ii. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
- iii. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vào quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- iv. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.
- v. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định. Đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều

lệ, tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông.

Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi bù đắp lỗ năm trước, nộp thuế TNDN thì phần còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- i. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
- ii. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.
- iii. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:
 - a) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;
 - b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Trích tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển;
 - d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong tổ chức tín dụng;
 - đ) Trích quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên;

e) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định được nộp về ngân sách nhà nước.

Đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã, sau khi bù đắp lỗ năm trước, nộp thuế TNDN, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- i. Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.
- ii. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.
- iii. Trích tối thiểu 20% vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Nghị định 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/09/2017 áp dụng cho các cá nhân, tổ chức được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất. Nghị định đưa ra công thức cụ thể tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong trường hợp: (1) khai thác nước cho thủy điện và (2) các trường hợp khác.

Bên cạnh, Nghị định còn quy định cụ thể những tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Cụ thể là những tổ chức, cá nhân có hành vi khai thác nước mặt để:

- Phát điện;
- Khai thác nước mặt, nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi;

iv. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:

a) Đối với Ngân hàng Hợp tác xã: tối thiểu trước 30 ngày tổ chức đại hội thành viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng phải xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại đại hội thành viên.

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân: Việc phân phối phần lợi nhuận còn lại thực hiện theo quy định của Luật hợp tác xã và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

- Khai thác nước dưới đất (trừ nước lợ, nước mặn) để nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, tưới cà phê, cao su, điều, chè, hồ tiêu và cây công nghiệp dài ngày khác với quy mô từ 20 m³/ngày đêm trở lên.

Công thức tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được tính cụ thể như sau:

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho thủy điện được tính theo công thức:

$$T = W \times G \times M$$

Trong đó:

i. T - Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam;

ii. W - Sản lượng điện năng bằng điện lượng trung bình hàng năm được xác định trong hồ sơ thiết kế của Dự án (E0, đơn vị tính là kWh) chia (/) 365 ngày và nhân (x) thời gian tính tiền (ngày).

iii. G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho sản xuất thủy điện là 70% giá điện dùng để tính thuế tài nguyên nước dùng cho sản xuất thủy điện.

iv. M - Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được quy định theo mục đích khai thác nước, có giá trị từ 0,1% đến 2,0%, được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp khác xác định theo công thức sau:

$$T = W \times G \times K \times M$$

3. Điều kiện tại nơi làm việc của cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa và kho chứa tang vật vi phạm

Thông tư 84/2017/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 30-09-2017 hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01-07-2016. Trong đó:

Về điều kiện nơi làm việc của cơ quan hải quan:

i. Vị trí: nằm trong diện tích khu vực kho bãi, địa điểm dự kiến công nhận mới hoặc đã được công nhận hoặc nằm trong cùng một khu đất thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp, thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát hải quan.

ii. Diện tích tối thiểu 20 m², được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Trong đó:

i. W - Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền khai thác bằng lưu lượng khai thác lớn nhất (đơn vị tính là m³/ngày đêm) quy định trong giấy phép nhân (x) chế độ khai thác trong năm và nhân (x) thời gian tính tiền (ngày).

ii. G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là giá tính thuế tài nguyên nước do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước ban hành và phù hợp khung giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên do Bộ Tài chính quy định.

iii. K - Hệ số điều chỉnh bằng $1 + (K1 + K2 + K3)$. Trong đó: K1 là hệ số chất lượng nguồn nước khai thác; K2 là hệ số loại nguồn nước khai thác; K3 là hệ số điều kiện khai thác.

Trường hợp các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa tập trung tại các cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu quốc tế, văn phòng làm việc của hải quan có diện tích tối thiểu 50 m².

iii. Bên cạnh các trang thiết bị văn phòng cơ bản và hạ tầng kỹ thuật, còn cần có máy tính cài đặt phần mềm quản lý, kết nối hệ thống quản lý của doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, địa điểm và kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo quy định của Tổng cục Hải quan; thiết bị kết nối với hệ thống ca-mê-ra giám sát của tổ chức, cá nhân kinh doanh kho bãi, địa điểm để theo dõi, lưu trữ, truy xuất và hiển thị hình ảnh tại tất cả các khu vực chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, công ra vào kho bãi, địa điểm.

Về điều kiện nơi kiểm tra hàng hóa:

i. Tổ chức, cá nhân bố trí khu vực có mái che nằm trong diện tích kho bãi, địa điểm, thuận lợi cho cơ quan hải quan trong việc thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa, niêm phong hải quan.

ii. Đối với kho bãi, địa điểm có tổng diện tích từ 03 héc-ta trở lên: tổ chức, cá nhân bố trí khu vực hoạt động của máy soi công-tê-nơ diện tích tối thiểu là 2.000 m² (40m x 50m) để đảm bảo về an toàn phóng xạ và hoạt động soi chiếu. Trong thời gian máy soi công-tê-nơ chưa được điều động đến khu vực hoạt động thì doanh nghiệp vẫn sử dụng khu vực trên cho hoạt động khai thác, kinh doanh của kho bãi, địa điểm.

Về điều kiện kho chứa tang vật vi phạm:

i. Kho chứa hàng hóa tang vật vi phạm có diện tích tối thiểu 30m², tách biệt với kho chứa hàng hóa khác. Riêng địa điểm kiểm tra, giám

sát tập trung hàng bưu chính và hàng chuyển phát nhanh, kho chứa hàng vi phạm có diện tích tối thiểu 10 m². Trường hợp kho chứa hàng hóa tang vật vi phạm được xây dựng nằm trong kho chứa hàng hóa tại kho bãi, địa điểm dự kiến hoặc đã được công nhận phải đảm bảo chế độ niêm phong hải quan, tính nguyên trạng và phẩm chất của hàng hóa trong quá trình lưu giữ. Trong thời gian không lưu giữ tang vật vi phạm, tổ chức cá nhân được sử dụng kho tang vật vi phạm để chứa hàng hóa khác theo quy định.

ii. Đối với kho bãi, địa điểm có quy mô lớn trên 03 héc-ta và không có kho chứa hàng hóa tang vật vi phạm: tổ chức, cá nhân bố trí khu vực bãi riêng có diện tích tối thiểu 200 m² để lưu giữ phương tiện, công-tê-nơ chứa hàng vi phạm. Tổ chức, cá nhân được sử dụng khu vực bãi dự kiến chứa hàng vi phạm để lưu giữ, khai thác hàng hóa trọng trường hợp khu vực bãi trên không chứa hàng vi phạm.

4. Từ ngày 01-07-2017, tăng mức trợ cấp hàng tháng của cán bộ cấp xã già yếu đã nghỉ việc

Những cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/06/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/ 1981 của Hội đồng Bộ trưởng sẽ có sự điều chỉnh mức trợ cấp tăng thêm 7,44% so với mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 06/2017 theo Thông tư 04/2017/TT-BNV. Cụ thể:

i. Đối với cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là 1.846.000 đồng/tháng.

ii. Đối với cán bộ nguyên là Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã là 1.786.000 đồng/tháng.

iii. Đối với các chức danh còn lại là 1.653.000 đồng/tháng.

5. Mở rộng các hình thức công khai thủ tục hành chính

Nghị định 92/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/09/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ

tục hành chính. Trong đó, hình thức công khai thủ tục hành chính đã có những thay đổi, cụ thể như:

i. Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

ii. Công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc niêm yết hoặc sử dụng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc kết xuất, kết nối, tích hợp dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

iii. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

iv. Ngoài hình thức công khai bắt buộc tại mục i, ii, iii, việc công khai thủ tục hành chính có thể thực hiện theo các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

PHẦN 3: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

NGHỊ ĐỊNH

1. Nghị định 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017
2. Nghị định 80/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, có hiệu lực từ ngày 05/09/2017
3. Nghị định 84/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, có hiệu lực từ ngày 10/09/2017
4. Nghị định 88/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực từ ngày 15/09/2017
5. Nghị định 89/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân hàng đặc thù đối với Thành phố Hải Phòng, có hiệu lực từ ngày 15/09/2017
6. Nghị định 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực từ ngày 25/09/2017
7. Nghị định 93/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 25/09/2017

QUYẾT ĐỊNH

8. Quyết định 31/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017
9. Quyết định 32/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định 24/2010/QĐ-TTg ngày 03/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 05/09/2017
10. Quyết định 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 75/2013/QĐ-TTg ngày 06/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, có hiệu lực từ ngày 10/09/2017
11. Quyết định 08/2017/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Quy chế sử dụng cộng tác viên Kiểm toán Nhà nước, có hiệu lực từ ngày 28/09/2017

12. Quyết định 09/2017/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán, có hiệu lực từ ngày 29/09/2017

THÔNG TƯ

13. Thông tư 04/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/07/2017 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định 130-CP ngày 20/06/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

14. Thông tư 14/2017/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc bãi bỏ Thông tư 12/2015/TT-BCT ngày 12/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

15. Thông tư 07/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về mã bưu chính quốc gia, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

16. Thông tư 11/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

17. Thông tư 21/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác

tàu bay và Thông tư 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

18. Thông tư 22/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Định mức vật tư cho một chu kỳ bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia ban hành kèm theo Thông tư 58/2012/TT-BGTVT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, có hiệu lực từ ngày 01/09/2017

19. Thông tư 75/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư, có hiệu lực từ ngày 05/09/2017

20. Thông tư 11/2017/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu hàng hóa, có hiệu lực từ ngày 11/09/2017

21. Thông tư 12/2017/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực, có hiệu lực từ ngày 14/09/2017

22. Thông tư 79/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung tiết b1 điểm b khoản 4 Điều 48 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, có hiệu lực từ ngày 15/09/2017
23. Thông tư 10/2017/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 15/09/2017
24. Thông tư 08/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2016/TT-BTTTT ngày 28/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về quy trình, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, có hiệu lực từ ngày 21/09/2017
25. Thông tư 22/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định

- 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, có hiệu lực từ ngày 25/09/2017
26. Thông tư 09/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên các phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực từ ngày 28/09/2017
27. Thông tư 02/2017/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 30/09/2017
28. Thông tư 84/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan, có hiệu lực từ ngày 30/09/2017

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hì vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.luatsuhcm.com.